

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 19.4.2019.

V/v “*Tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYỀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Đình Lục.

2. Ông Trịnh Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Ph 2, xã Qu, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Tr, xã Duy Tr, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc L đã ly hôn theo Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn số 214/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/10/2017. Theo Quyết định trên thì tài sản chung các bên tự thỏa thuận. Tuy nhiên từ khi ly hôn đến nay, bà và ông L không thể thỏa thuận được việc phân chia. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung sau khi ly hôn, gồm có:

- 01 xe máy Honda Air Blade BKS BKS 92H4-8379, giá trị theo định giá là 18.000.000 đồng.

- 01 Xe máy hiệu SWM Atila BKS 92F1-09793, giá trị theo định giá là 6.000.000 đồng.

- 01 bộ bàn ghế salon gỗ, giá trị theo định giá là 5.000.000 đồng.

- 01 máy giặt, giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng.

- 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng.

- 01 căn nhà cấp 4, giá trị theo định giá lần thứ nhất là 206.695.000 đồng. Ngày 09/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên thành lập Hội đồng định giá lại tài sản theo yêu cầu của ông L thì giá trị căn nhà là 136.089.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông L trong thời kỳ hôn nhân là 168.089.000 đồng. Bà H yêu cầu chia đôi số tài sản trên, bà H chỉ đề nghị được nhận 01 xe máy hiệu Atila, 01 bộ bàn ghế salon gỗ, các tài sản còn lại giao cho ông L quản lý, sử dụng. Ông L có nghĩa vụ phải bồi trả cho bà phần giá trị chênh lệch.

Tại văn bản trả lời ý kiến ngày 15/8/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Ông thừa nhận tài sản chung của ông và bà H tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có: 01 xe máy hiệu Atila, 01 tủ lạnh Panasonic, 01 máy giặt, 01 bộ bàn salon, 01 căn nhà cấp 4. Ông thống nhất giao cho bà H 01 xe máy hiệu Atila, các vật dụng như tủ lạnh, máy giặt, bộ bàn salon bà H muốn lấy thì ông sẽ giao một trong ba vật dụng trên. Căn nhà thì lúc xây dựng khoảng hơn 80.000.000 đồng, ông và bà H chỉ có 75 triệu, còn lại là gia đình ông cho tiền để vợ chồng trả các khoản nợ sau khi xây dựng nhà và lát gạch men, đóng lafon nhựa. Ông thống nhất với kết quả định giá lại căn nhà có giá trị là 136.089.000 đồng. Ông đồng ý chia đôi giá trị căn nhà. Riêng chiếc xe máy hiệu Air Blade ông không đồng ý chia vì khi mua xe này, ông và bà H chỉ có 20 triệu đồng, số tiền còn lại của mẹ và ông ngoại ông cho.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật qui định. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị H: Bà H yêu cầu được nhận 01 xe máy hiệu Atila, 01 bộ bàn ghế salon gỗ, các tài sản khác ông L đang quản lý sử dụng nên cần tiếp tục giao cho ông L quản lý sử dụng. Đối với xe máy hiệu Honda Airblade, ông L không đồng ý chia vì cho rằng khi mua xe vợ chồng chỉ có 20.000.000 đồng, số tiền còn lại do mẹ và ông ngoại ông cho ông, không xác định cho chung hay cho riêng. Tuy nhiên ông L không xuất trình được chứng cứ chứng minh chiếc xe là tài sản riêng của ông. Do đó có căn cứ để chấp nhận chiếc xe hiệu Airblade là tài sản chung. Từ những nhận định trên, đại diện VKS đề nghị đề nghị HĐXX áp dụng Điều 59, 62 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Đối với ngôi nhà, ông L chấp nhận chia cho bà H 50% giá trị, các tài sản còn lại do ông L có đóng góp nhiều hơn nên đề nghị HĐXX xem xét chia cho ông L tỷ lệ 60% còn bà H 40% giá trị tài sản.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Bản sao CMND, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Duy Xuyên nhận định:

[1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Đối với 01 nhà cấp 4 giá trị theo định giá lại là 136.089.000 đồng được xây dựng trên đất của ông Nguyễn Ngọc L (ông L

được tặng cho riêng thửa đất này), trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông L cũng thừa nhận đây là tài sản chung của ông và bà H trong thời kỳ hôn nhân. Ông L đồng ý chia cho bà H 50% giá trị căn nhà theo kết quả đã định giá. Bà H khởi kiện yêu cầu chia căn nhà là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H. Do ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất của ông L được tặng cho riêng và hiện nay ông L đang quản lý, sử dụng ngôi nhà nói trên do đó cần tiếp tục giao ngôi nhà cho ông L quản lý sử dụng và thời trả cho bà H phần giá trị chênh lệch. Đối với các tài sản khác như: 01 xe máy Honda Air Blade BKS 92H4-8379 giá trị theo định giá là 18.000.000 đồng; 01 xe máy hiệu SWM Atila BKS 92F1-09793 giá trị theo định giá là 6.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salon gỗ có giá trị theo định giá là 5.000.000 đồng; 01 máy giặt giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic, giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng. Các tài sản trên này ông L và bà H đều thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, riêng xe máy hiệu Honda Air Blade ông L khai mẹ và ông ngoại ông có cho số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại nên bà H đóng góp vào để mua xe. Tuy nhiên ông L không có chứng cứ để chứng minh ông được mẹ và ông ngoại tặng cho riêng số tiền trên. Do đó HĐXX thấy có đủ căn cứ để kết luận chiếc xe máy hiệu Air Baleda là tài sản chung của ông L và bà H trong thời kỳ hôn nhân. Tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông L trong thời kỳ hôn nhân là 168.089.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L không chứng minh được phần công sức đóng góp của ông vào khối tài sản chung nhiều hơn bà H, ông L cũng thừa nhận thu nhập của bà H cao gấp đôi của ông nên không có căn cứ để tính phần công sức đóng góp của ông L và chia cho ông L 60% giá trị tài sản như quan điểm của Kiểm sát viên.

Như vậy tổng giá trị tài sản chung mà bà H và ông L mỗi người được nhận là 168.089.000 đồng :2 = 84.044.000 đồng. Bà H yêu cầu được nhận chiếc xe máy hiệu SWM Atila BKS 92F1-09793 giá trị theo định giá là 6.000.000 đồng và bộ bàn ghế salon gỗ trị giá 5.000.000 đồng, các tài sản khác ông L đang quản lý sử dụng nên cần giao cho ông L trọn quyền sở hữu các tài sản chung gồm: căn nhà, xe máy hiệu Honda Air Blade, tủ lạnh, máy giặt có tổng giá trị 157.089.000 đồng và thời trả phần giá trị chênh lệch cho bà H. Ông L phải có nghĩa vụ thời trả cho bà H phần giá trị tài sản chung là 73.044.000 đồng.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

- Giao cho bà Nguyễn Thị H trọn quyền sở hữu, sử dụng 01 xe máy hiệu SWM Atila BKS BKS 92F1-09793 có giá trị 6.000.000 đồng và 01 bộ bàn ghế salon gỗ có giá trị theo định giá là 5.000.000 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Ngọc L được trọn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng căn nhà (kết cấu nhà trệt, tường xây 110, kê cả mặt trước 220, mái tôn, nền lót gạch men, hiên đúc) có giá trị theo định giá là 136.089.000 đồng. Căn nhà gắn liền với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 05, thôn Trung Đông, xã Duy Trung, huyện Duy Xuyên – thửa đất là tài sản riêng của ông L; 01 xe máy Honda Air Blade BKS 92H4-8379 giá trị theo định giá là 18.000.000 đồng; 01 máy giặt giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic giá trị theo định giá là 1.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Ngọc L có nghĩa vụ bồi trả cho bà Nguyễn Thị H phần giá trị tài sản chung là 73.044.000 đồng (*bảy mươi ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 4.202.000 đồng (*bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí DS-ST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.250.000 đồng theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 7463 ngày 30.7.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên. Bà H còn phải nộp 952.000 đồng (*chín trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

Ông Nguyễn Ngọc L phải nộp 4.202.000 đồng (*bốn triệu hai trăm lẻ hai nghìn đồng*) án phí DS-ST.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Duy Xuyên
- Chi cục THADS huyện Duy Xuyên.
- Các đương sự.
- Lưu HS –AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Minh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Các Hội thẩm nhân dân **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**